**ĐĂNG KÍ GIẢNG DẠY TUẦN 7 lớp 3 A *(Từ 21/10 – 25/ 10/2024)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Thứ ngày*** | ***Buổi*** | ***Tiết*** | ***Môn học*** | ***Tên bài*** | ***Điều chỉnh*** |
| **Hai****21/10** | ***Sáng*** | 1 | Chào cờ | Chào mừng ngày phụ nữ Việt Nam 20-10 | TH |
| 2 | Toán1 | Bảng chia 6 T1 |  |
| 3 | Tiếng việt 1 | BĐ1: Ngưỡng cửaTừ có nghĩa giống nhau |  |
| 4 | Tiếng việt 2 |
| ***chiều*** | 1 | T việt Tăng 1 | Luyện tập: Từ có nghĩa giống nhau |  |
| 2 | Toán tăng 1 | Luyện tập: Bảng chia 3, chia 4 |  |
| 3 |  |  |  |
| **Ba****22/10** | ***Sáng***  | 1 | Tiếng việt 5 | Cha sẽ luôn ở bên conCâu hỏi |  |
| 2 | Tiếng việt 6 |  |
| 3 | Toán 2 | Bảng chia 6 T2 |  |
| 4 | T việt tăng 2 | Luyện tập về Câu hỏi |  |
| **Tư**23/10 | ***Chiều***  | 1 | Tiếng việt 4 | Trao đổi. Nhận và gọi điện thoại |  |
| 2 | Toán 3 | Giảm đi một số lần |  |
| 3 | Toán tăng 2 | Luyện tập: Bảng chia 6 |  |
| **Năm 24/10** | ***Sáng*** | 1 | MT |  |  |
| 2 | MT |  |
| 3 | Toán 4 | Bảng chia 7T1 |  |
| 4 | Toán tăng 3 | Luyện tập: Giảm đi một số lần |  |
| **Sáu****25/10** | ***sáng*** | 1 | Toán 5 | Bảng chia 7T2 |  |
| 2 | Tiếng việt 7 | Kể chuyện em và người thân |  |
| 3 | TViệt tăng 3 | LT: Kể chuyện em và người thân |  |
| 4 | SH | Tham gia trò chơi yêu thích |  |

 ***Duyệt, Ngày 18 tháng 10 năm 2024***

***PHT***

***Nguyễn Thị Hằng***

**TUẦN 7**

**Thứ hai ngày 21 tháng 10 năm 2024**

**Tiết 1: Chào cờ**

**CHÀO MỪNG NGÀY PHỤ NỮ VIỆT NAM 20-10**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

–   Tham gia biểu diễn văn nghệ chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10 hoặc cổ vũ các tiết mục văn nghệ.

–     Giao tiếp, hợp tác; Tự chủ, tự học.Hiểu được ý nghĩa của ngày Phụ nữ Việt Nam.

–     Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

–  HS mặc đúng đồng phục, trang phục biểu diễn, lịch sự, sạch sẽ; đầu tóc gọn gàng.

–  Chuẩn bị các tiết mục văn nghệ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1 **Khởi động**- GV cho HS ổn định tổ chức, nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục để thực hiện nghi lễ chào cờ. |  |
| **II. Khám phá** **. SINH HOẠT DƯỚI CỜ (15 phút)*****2.1. Thực hiện nghi lễ chào cờ***- GV nhắc nhở HS chỉnh đốn hàng ngũ, thực hiện nghi lễ chào cờ.***2.2. Tổng kết công tác tuần, triển khai công tác tuần 7***- GV trực ban nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của HS trong tuần 6.- GV TPT triển khai hoạt động tuần 7.+ Tiếp tục duy trì sĩ số.+ Thực hiện nghiêm túc việc để xe đạp đúng nơi qui định*. (Mỗi học sinh đi xe đạp phải ghi đầy đủ tên – lớp sau yên xe ).* GVCN GVCN nhắc nhở HS đi xe ở lớp mình thực hiện.+ Duy trì tốt việc mặc đồng phục theo những ngày qui định.+ Tích cực tập luyện 6 động tác thể dục giữa giờ và múa hát tập thế *“ Bay cao tiếng hát ước mơ”.*- Tổ chức thành lập và bồi dưỡng đội tuyển Bóng đá và Cờ Vua.- Nâng cao chất lượng mô hình *“ Đôi bạn cùng tiến”*+ Tiếp tục thực hiện phong trào: ***“ Tiếng trống sạch trường, trường em xanh – sạch – đẹp”.*** | - HS lắng nghe. - HS lắng nghe. - HS lắng nghe và thực hiện.- HS về lớp thực hiện |
|  | HS chào cờ. |
| Triển khai các hoạt động hướng đến chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10: | – HS lắng nghe. |
| + Biểu diễn một số tiết mục văn nghệ chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10.+ Nghe chia sẻ về nguồn gốc và ý nghĩa ngày Phụ nữ Việt Nam.+ Thi hái hoa dân chủ tìm hiểu về ngày Phụ nữ Việt Nam. |  |
|  - Qua bài học hôm nay, em đã biết thêm điều gì?Hs đọc các bức thư viết về mẹ  | Hs biểu diễn một số tiết mục văn nghệ chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20-10.– HS nhiệt tình tham gia các hoạt động. |
|  - GV chốt nội dung bài học. | - HS chia sẻ thông tin học được trong bài học hôm nay. |
| - GV nhận xét giờ học + Tuyên dương HS | - HS lắng nghe |
|  | - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

………………………………….…………………………………………………………………………………………………………………………….…………………………

**Tiết 2: Toán 1**

**Bài 19: BẢNG CHIA 6 (tiết 1) – Trang 42**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Hình thành được bảng chia 6 và tìm được kết quả các phép tính trong Bảng chia 6.

- Bước đầu thuộc bảng chia 6.

- Vận dụng được Bảng chia 6 để tính nhẩm

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc viết các số 8,9*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point, bộ đồ dùng học Toán.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 61 – 62**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3+ 4: Tiếng việt 1,2**

**Bài đọc 1: NGƯỠNG CỬA . TỪ CÓ NGHĨA GIỐNG NHAU (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà học sinh địa phương dễ viết sai (nơi ấy, lúc nào, xa tắp, ...)

- Biết ngắt nhịp đúng giữa các dòng thơ, nghỉ hơi đúng sau mỗi dòng thơ và giữa các khổ thơ.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài.

- Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Ngưỡng cửa là nơi thân quen với mọi người trong gia đình, là nơi chúng ta bắt đầu đến trường và đi xa hơn nữa.

- Nhận biết từ ngữ có nghĩa giống nhau; đặt câu với những từ này.

- Phát triển năng lực văn học:

+ Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

+ Biết chia sẻ tình cảm yêu quý ngôi nhà và gia đình của mình.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quý ngôi nhà và gia đình của mình.

- Phẩm chất nhân ái: Biết trân trọng ngôi nhà mình.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Viết các chữ cái trong bảng*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 116 – 118**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết1: Tiếng việt tăng1**

**Luyện tập: TỪ CÓ NGHĨA GIỐNG NHAU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Củng cố cho HS nhận biết từ ngữ có nghĩa giống nhau; đặt câu với những từ này.

- Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết sắp xếp các từ gióng nhau, luyện tập viết đúng, đẹp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và vận dụng làm bài: Biết trao đổi, nhận xét bài tập của mình với bạn

**3. Phẩm chất**

**-**  Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ làm bài tập, rèn tính cẩn thận.

**-** Phẩm chất trách nhiệm: Nghiêm túc trong giờ học, giữ trật tự, hòa đồng với mọi người.

*HSKT: Viết các chữ cái trong bảng*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Khởi động:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. - Tổ chức cho HS chơi trò chơi Đố bạn: Bạn đầu tiên đưa 1 từ bất kì, mời các bạn khác tìm các từ có nghĩa giống với từ đó.
2. - Tổ chức nhận xét, tuyên dương.
3. - GV dẫn dắt, giới thiệu bài.
4. 2. Luyện tập:

Bài 1: Nỗi những từ cùng nhóm lại với nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| Chăm chỉ Con nganCủ sắn Củ lạc  | Cần cù Vịt xiêm Siêng năngChịu khóCủ mìĐậu phộng  |

- Cho HS nêu yêu cầu bài tập- Cho HS thảo luận cặp đôi để làm bài.- Tổ chức báo cáo, nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.

|  |  |
| --- | --- |
| *Chăm chỉ* *Con ngan**Củ sắn* *Củ lạc*  | *Cần cù* *Vịt xiêm* *Siêng năng**Chịu khó**Củ mì**Đậu phộng*  |

Bài 2: Tìm những từ giống nghĩa với các từ sau:a, Dũng cảm: ..........................................b, Hiền lành:...........................................- Cho HS nêu yêu cầu bài tập- Cho HS thảo luận nhóm 4 để làm bài.- Tổ chức báo cáo, nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.*a, Dũng cảm, gan dạ, anh dũng, anh hùng, kiên cường, bất khuất, ...**b, Hiền lành, hiền dịu, hiền từ, hiền hậu, dịu hiền, ...*3. Vận dụng:Bài 3: Viết một vài câu về chủ đề tự chọn trong đó có dùng các từ có nghĩa giống nhau ở bài tập 1 hoặc bài tập 3.- Cho HS nêu yêu cầu bài tập- Cho 1 HS làm mẫu trước lớp.- Tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở.- Tổ chức báo cáo, nhận xét.*GV chốt: Khi viết câu cần lưu ý diễn đạt một ý trọn vẹn. Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm.*- Tiết học hôm nay đã củng cố cho các em những nội dung gì?- Nêu lại những nhóm từ có nghĩa giống nhau mà em đã tìm được trong tiết học này?- Nhận xét tiết học, tuyên dương. | - HS chơi trước lớp.VD: HS1: thời tấm béHS2: thuở béHS3: hồi béHS4: thuở nhỏ ....- Lớp thảo luận, nhận xét.- 1 - 2 HS nêu yêu cầu bài.- HS thảo luận cặp đôi.- Một số đại diện HS báo cáo trước lớp.- 1- 2 HS nêu yêu cầu bài.- HS thảo luận theo điều hành của nhóm trưởng.- Một số đại diện HS báo cáo trước lớp.- 1- 2 HS nêu yêu cầu bài.- 1 HS đặt câu trước lớp: *Nhà em nuôi một đàn ngan rất dễ thương. Con vật này ở miền Nam người ta còn gọi là vịt xiêm. Thịt ngan rất thơm ngon, cả nhà em đều thích.*- HS làm bài cá nhân vào vở.- Một số HS báo cáo kết quả trước lớp, lớp nhân xét.- HS nêu trước lớp.- Vài HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 2:Toán (Tăng)1**

**Luyện tập: LUYỆN TẬP BẢNG CHIA 3, CHIA 4**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- HS tìm được kết quả các phép tính trong bảng chia 3 và thành lập được bảng chia 3.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2.Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng Bảng chia 3 để tính nhẩm.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc viết các số 8,9*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Kế hoạch bài dạy,

**2. Học sinh**: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Cho lớp chơi trò chơi “Vòng quay kì diệu” trả lời các câu hỏi liên quan đến bảng chia 3, 4.- GV nhận xét, giới thiệu bài | - HS tham gia chơi- HS ghi tên bài |

**2. Luyện tập**

Bài 1: Nối thương với số cho phù hợp

20 : 4

8 : 4

4 : 4

16 : 4

12 : 4

40 : 4

36 : 4

28 : 4

24 : 4

32 : 4

|  |  |
| --- | --- |
| - Bài yêu cầu gì?- Để nối đúng ta cần phải làm gì?- GV nhận xét, chốt đáp án đúng | - Nối thương với số cho phù hợp- Ta cần tìm kết quả của phép chia.- HS làm bài- Một số HS lên bảng chữa bài. |

*-> GV chốt KT*: Củng cố về bảng chia 4

Bài 2: Điền dấu >, <, =

|  |  |
| --- | --- |
| 28 : 4 ………3 x 2 | 24 : 4………24 : 3 |
| 20 : 4………30 : 3 | 18 : 3……….6 : 3 |

|  |  |
| --- | --- |
|  - Nêu yêu cầu của đề bài?- Muốn điền dấu đúng chúng ta cần phải làm gì? |  - Điền dấu >, <, =- HS: Phải thực hiện tính ở cả hai vế sau đó so sánh rồi chọn dấu để điền.- HS làm bài, đổi chép vở kiểm tra- HS lên bảng chữa bài28 : 4 > 3 x 2; 20 : 4 < 30 : 316 : 4 < 24 : 3; 18 : 3 = 24 : 4 |
| *-> GV chốt KT*: Củng cố về bảng chia 3, bảng chia 4 |

Bài 3: Tính.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |
| --- | --- |
| 36 : 4 + 5 = | 45 + 27 : 3 =  |
| 56 - 24 : 3 = | 70 – 32 : 4 = |

 |  |
|  - Nêu yêu cầu của đề bài?- GV bao quát giúp đỡ HS còn chậm tiến- GV nhận xét chữa bài. |  - Tính- HS làm bài, đổi chép vở kiểm tra- HS lên bảng chữa bài

|  |  |
| --- | --- |
| 36 : 4 + 5 = 9+5 = 14 | 45 + 27 : 3 =45 + 9 = 54  |
| 56 - 24 : 3 = 56 – 8 = 48 | 70 – 32 : 4 = 70 – 8 = 62 |

 |
| *-> GV chốt KT*: Củng cố cách tính giá trị của biểu thức. |

**3.Vận dụng**

Bài 4: Bà mai đi chợ mua 12 cái bánh. Bà chia đều số bánh đó cho các cháu của mình, mỗi cháu nhận được 3 cái bánh. Hỏi bà Mai có bao nhiêu người cháu?

|  |  |
| --- | --- |
| - Cho HS đọc đề+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?- Muốn biết bà Mai có bao nhiêu người cháu ta làm tính gì? | - HS đọc đề, thảo luận.- Bà mai đi chợ mua 12 cái bánh. Bà chia đều số bánh đó cho các cháu của mình, mỗi cháu nhận được 3 cái bánh- Hỏi bà Mai có bao nhiêu người cháu?- Ta thực hiện phép tính chia- HS trình bày bài giải vào vở Bài giải Bà Mai có số người cháu là:  12 : 3 = 4 (người) Đáp số: 4 người |
| *-> GV chốt KT:* Củng cố giải toán về bảng chia 3 và cách trình bày bài giải |
| - Dặn HS về nhà ôn lại bảng chia 3, bảng chia 4, tìm một số tình huống thực tế liên quan đến bảng chia 3, bảng chia 4 đã học.- GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài. | - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

..................................................................................................................................

Thứ ba ngày 22 tháng 10 năm 2024

**Tiết 1 + 2: Tiếng việt 5,6**

**Bài đọc 2 : CHA SẼ LUÔN Ở BÊN CON . CÂU HỎI (T1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh

mà HS địa phương dễ viết sai: hỗn loạn, lặng đi, luôn, đáp lại, động đất, đã, giữa, sẽ, nữa, ... Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài.

- Hiểu ý nghĩa của bài: Tình yêu của người cha dành cho con và sự tin tưởng tuyệt

đối của cậu bé đối với cha mình.

- Trả lời được các CH về nội dung bài.

- Nhận biết tác dụng của dấu chấm hỏi: Câu hỏi được dùng để hỏi về một điều chưa biết .

- Phát triển năng lực văn học:

+ Biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

+ Biết sử dụng các từ ngữ chỉ đặc điểm.

**2. Năng lực chung.**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm);

- NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các CH đọc hiểu bài, hoàn thành các BT về sắp xếp các đoạn văn, tác dụng của dấu hai chấm).

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết tôn trọng giữa con người, biết giúp đỡ mọi người .

 - Phẩm chất nhân ái: biết trận trọng và tin tưởng vào tình yêu mà cha mẹ

dành cho minh

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Viết các chữ cái trong bảng*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 121 – 122**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Toán 2**

**Bài 19: BẢNG CHIA 6 (tiết 2) – Trang 42**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết chia trong phạm vi bảng chia 6.

- Thông qua việc thao tác tìm kết quả từng phép chia trong bảng chia 6.

- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc viết các số 8,9*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 62 – 63**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 4: Tiếng việt tăng 2**

**Luyện tập: CÂU HỎI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Ôn luyện về câu hỏi: Nhận biết được câu hỏi biết đặt câu hỏi.

- Hiểu và biết bày tỏ sự yêu thích với một số từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: làm được các bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia hoạt động tự tin, hiệu quả.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia học trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Viết các chữ cái trong bảng*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên:** Kế hoạch bài dạy,

**2. Học sinh:** SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động:**

- Tổ chức cho HS hỏi đáp trước lớp:

|  |  |
| --- | --- |
|  Em hãy hỏi đặt một câu hỏi cho bạn của mình để hỏi điều em muốn biết về bạn.- Câu hỏi dùng để làm gì? Khi viết, cuối câu dùng dấu câu gì?- Tổ chức nhận xét, tuyên dương.\* GV chốt: *Câu hỏi dùng để hỏi điều mình muốn biết. Khi viết, cuối câu dấu chấm hỏi.* | - Nhiều HS nối tiếp đặt câuVD: - Hôm nay ai đưa bạn Lan đi học? Hôm nay mẹ đưa bạn tôi đi học.- Bạn Mai thích học môn nào nhất? Tôi thích học môn Toán nhất.- Lớp thảo luận, nhận xét- Câu hỏi dùng để hỏi điều chưa biết. Cuối câu dùng dấu chấm hỏi. |

**2. Luyện tập**

|  |
| --- |
| **Bài 1:** Khoanh vào chữ cái trước câu hỏi trong các câu dưới đây:a. Con đang làm gì?.b. Bạn Tùng phải chăm chỉ học hành hơn!c. Bà có đi chợ không?d. A, bầu trời đẹp quá! |
| - Cho HS nêu yêu cầu bài tập- Cho HS thảo luận cặp đôi để làm bài.- Tổ chức báo cáo, nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng. | - 1-2 HS nêu yêu cầu bài.- HS thảo luận cặp đôi.- Một số đại diện HS báo cáo trước lớp.*Câu a và câu c là câu hỏi.* |
| *\* GV chốt cách nhận biết dựa vào đặc điểm của câu hỏi: Dùng để hỏi điều chưa biết, cuối câu có dấu hỏi chấm.* | **-** HS nghe và ghi nhớ |
| **Bài 2:** Chuyển các câu sau thành câu hỏi:a. Nam đi học.b. Giang phấn đấu học giỏi.c. Ngân rất chăm chỉ học bài. |
| - Cho HS nêu yêu cầu bài tập- Cho HS thảo luận nhóm 4 để làm bài.- Tổ chức báo cáo, nhận xét.- GV nhận xét, tuyên dương, chốt đáp án đúng.- Muốn chuyển câu kể thành câu hỏi ta làm thế nào?  | - HS đọc yêu cầu bài.- HS làm việc nhóm 4 - Đại diện lên bảng chữa bàiĐáp án: a. Nam có đi học *không?*b. Giang phấn đấu học giỏi phải không?c. Ngân *có* chăm chỉ học bài không?- HS nêu: ta thêm từ để hỏi vào câu đó cho phù hợp và cuối câu dùng dấu chấm hỏi. |
| *\*GV chốt: Muốn chuyển câu kể thành câu hỏi ta thêm từ để hỏi vào câu đó cho phù hợp và cuối câu dùng dấu chấm hỏi.* | **-** HS nghe và ghi nhớ |

**3. Vận dụng**

|  |
| --- |
| **Bài 3:** Hãy đặt 3 câu hỏi tương ứng với 3 tình huống sau:a. Em hỏi cô giáo em bao nhiêu tuổi.b. Em hỏi mẹ đã mua cặp sách mới cho mình chưa?c. Em hỏi về ngày sinh nhật của bạn. |
| - Cho HS nêu yêu cầu bài tập- Tổ chức cho HS làm bài cá nhân vào vở.- Tổ chức báo cáo, nhận xét.\*GV chốt: *Khi đặt câu hỏi cho người lớn, ngoài việc dùng đúng từ để hỏi và cuối câu có dấu chấm hỏi thì em cần lưu ý dùng thêm từ “ạ” ở cuối câu để thể hiện sự lễ phép.* | - HS nêu yêu cầu bài.- HS làm việc cá nhân- Một số HS lên bảng đặt câuVD: a. Cô ơi, năm nay cô bao nhiêu tuổi ạ? b. Mẹ đã mua cặp sách mới cho con chưa ạ?c. Sinh nhật của bạn vào thời gian nào vậy?- HS nghe và ghi nhớ |
| - Dặn học HS ôn lại bài- Nhận xét tiết học, chuẩn bị bài sau. | - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

Thứ tư ngày 23 tháng 10 năm 2024

**Tiết 1: Tiếng việt 4**

**TRAO ĐỔI : NHẬN VÀ GỌI ĐIỆN THOẠI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1.** Phát triển năng lực ngôn ngữ : Biết nhận và gọi điện thoại

1.2. Phát triển năng lực văn học : Phân vai , “ diễn lại “ một cuộc trò truyện qua điện thoại thể hiện lời nói và giọng nói phù hợp.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: chọn đề bài, viết đoạn văn.

- Năng lực sáng tạo: Biết vận dụng những điều đã học để viết được một đoạn văn kể chuyện.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Viết các chữ cái trong bảng*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 120 – 121**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

**Tiết 2 : Toán 3**

**Bài 20: GIẢM ĐI MỘT SỐ LẦN – Trang 44**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS biết thực hiện giảm một số đi một số lần (bằng cách lấy số đo chia cho số lần). Phân biệt giảm đi 1 số lần với giảm đi một số đơn vị.

- Học sinh vận dụng được kiến thức vào giải toán có lời văn.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc viết các số 8,9*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

+ Hai đoạn dây, trong đó một đoạn gấp lại 4 lần thì được đoạn kia.

+ Một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu tính độ dài của một đoạn thẳng được giảm đi một số lần so với độ dài của một đoạn thẳng cho trước.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 63- 65**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Toán Tăng 2**

**Luyện tập:BẢNG CHIA 6**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố cho HS về bảng chia 6

- Rèn cho HS kĩ năng tính toán và vận dụng vào làm các bài tập có liên quan, giải toán có lời văn liên quan đến phép tính chia cho 6.

**2.Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

 **3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc viết các số 8,9*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Kế hoạch bài dạy.

**2. Học sinh**: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Yêu cầu HS hỏi đáp về bảng chia 6- YC HS đọc cả bảng chia 6-YC HS nêu nhận xét về dãy số bị chia, dãy số chia, dãy thương của bảng chia 6- GV chốt: Dãy số bị chia là dãy số đếm thêm 6 từ 6 đến 60, dãy số chia đều là 6, dãy thương là dãy số liên tiếp từ 1 đến 10. | - HĐ cả lớp- Nhiều cặp HS hỏi đáp nhau- 1 HS đọc - HS nêu |

**2. Luyện tập**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  Bài 1: Tính nhẩm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 6 x 5= | 6 x 8= | 6 x 4 = | 6 x 9 = |
| 30 : 6= | 48 : 6= | 24 : 6= | 54 : 6 = |

 | - HS nêu yêu cầu- HS làm bài, 4 em lên bảng |
| - Khi đã biết kết quả của 6 x 5, em có biết ngay kết quả của phép chia 30 : 6 được không? Vì sao? | - HS trả lời: ta có thể biết ngay kết quả của 30 : 6 = 5 vì ta lấy tích chia cho thừa số này được thừa số kia.  |
|  -> GV chốt KT: Đó là mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia, cũng chính là cơ sở để lập phép chia từ phép nhân. |  |
|  Bài 2: Tính |  |
|  14 x 3 : 6  18 : 6 + 4225 + 54: 6 | - HS nêu yêu cầu- HS làm cá nhânHS lên bảng chữa |
| - Yêu cầu HS tự làm bài | a. 14 x 3 : 6 = 42 : 6  = 7 18 : 6 x 42 = 3 + 42 = 45b. 25 + 54: 6 = 25+ 9 = 34 |
|  -> GV chốt KT: Thứ tự thực hiện phép tính trong một dãy tính có phép nhân và phép chía: tính từ trái sang phải. | - NX, nêu thứ tự thực hiện các phép tính |

Bài 3: Một sợi dây dài 3m 6 dm được cắt thành các đoạn bằng nhau, mỗi đoạn dài 6 dm. Hỏi cắt được bao nhiêu đoạn như thế?

|  |  |
| --- | --- |
| -Gọi HS đọc đề, phân tích đề toán.-Cho HS thảo luận nhóm đôi tìm cách làm. | - HS đọc bài, phân tích đề- HS trao đổi nhóm đôi tìm cách làm |
| - Gọi HS nêu cách làm. | - HS nêu cách làm.- HS làm bài vào vở, chữa. Bài giải Đổi 3m6dm = 36 dm Số đoạn dây cắt được là: 36 : 6 = 6 (đoạn) Đáp số: 6 đoạn dây |
| - GV chấm 1 số bài, NX -> GV chốt KT: Củng cố cách giải bài toán có lời văn tìm số phần bằng nhau.  | - HS lắng nghe. |

**3.Vận dụng**

Bài 4: Lớp em được thưởng 3 chục quyển vở, cô giáo đem chia đều cho 6 bạn có hoàn cảnh khó khăn. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu quyển vở?

|  |  |
| --- | --- |
| -Gọi HS đọc đề, phân tích đề toán.-Cho HS thảo luận nhóm đôi tìm cách làm. | - HS đọc bài, phân tích đề- HS trao đổi nhóm đôi tìm cách làm |
| - Gọi HS nêu cách làm. | - HS nêu cách làm.- HS làm bài vào vở, chữa. Bài giảiĐổi: 30 chục quyển vở = 30 quyển vở Mỗi bạn được số quyển vở là: 30 : 6 = 5 (quyển vở)  Đáp số: 5 quyển vở |
| - GV chấm 1 số bài, NX  | - HS lắng nghe. |
| *-> GV chốt KT*: Củng cố về giải toán liên quan đến bảng chia 6. |  |
| - Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?- Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế sử dụng phép chia trong bảng chia 6, hôm sau chia sẻ với cô và các bạn. | - HS nêu- HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

Thứ năm ngày24 tháng 10 năm 2024

**Tiết 3: Toán 4**

**Bài 21: BẢNG CHIA 7 (T1) – Trang 46**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Học sinh tự lập được và học thuộc lòng bảng chia 7.

- Học sinh vận dụng được bảng chia 7 để tính nhẩm.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc viết các số 8,9*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

- Mỗi HS 10 thẻ, mỗi thẻ 7 chấm tròn trong bộ đồ dùng học Toán.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 66 – 67**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 4: Toán tăng3**

**Luyện tập:GIẢM ĐI MỘT SỐ LẦN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Củng cố cách tính và giải toán “giảm một số đi một số lần"

- Rèn kĩ năng tính và áp dụng vào giải toán thành thạo.

**2.Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

 - Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Đọc viết các số 8,9*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**: Kế hoạch bài dạy.

**2. Học sinh**: SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1. Khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| - Muốn giảm một số đi một số lần ta làm thế nào?- Lấy VD về dạng bài toán giảm một số đi nhiều lần | - HS nêu.- HS lần lượt lấy VD. |
| - GV nhận xét. |  |

**2. Luyện tập**

Bài 1: Viết (theo mẫu)

|  |  |
| --- | --- |
|  Giảm 28kg đi 4 lần được: 28: 4 = 7(kg)a. Giảm 35l đi 7 lần được:..............b. Giảm 40 phút đi 5 lần được:............c. Giảm 30m đi 6 lần được:.............d. Giảm 18giờ đi 2 lần được:.............. |  |
| - Đọc yêu cầu -YC HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.- GV nhận xét | - HS nêu yêu cầu.-HS làm bài vào vở. HS lên bảng chữa bài. |
| - Muốn giảm đi một số lần ta làm thế nào? | -Ta lấy số đó chia cho số lần |
|  *-> GV chốt KT*: *Củng cố về giảm đi một số lần.* |

Bài 2: Bạn Lan có 35 viên kẹo, sau khi cho bạn Thảo thì số kẹo giảm đi 5 lần. Hỏi bạn Lan còn lại bao nhiêu viên kẹo?

|  |  |
| --- | --- |
|  - Gọi HS đọc đề. | - HS đọc đề bài. |
| -Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? | -HS nêu |
| -Muốn biết bạn Lan còn lại bao nhiêu viên kẹo ta làm như thế nào? | -Ta lấy 35 : 5 |
| - YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài.- GV nhận xét. | - HS làm bài vào vở, 1 HS lên bảng chữa bài.Bài giảiLan còn lại số viên kẹo là: 35 : 5 = 7 (viên kẹo) Đáp số: 7 viên kẹo |
| - Bài toán thuộc dạng toán nào?- Muốn giảm đi một số lần ta làm như thế nào? | - Giảm đi một số lần- HS nêu. |
| *-> GV chốt KT*:*Củng cố giảm một số đi một số lần.* |

Bài 3: Tú đi bộ từ nhà đến trường mất 20 phút. Nếu đi xe đạp thì thời gian sẽ giảm đi 4 lần. Hỏi thời gian Tú đi xe đạp từ nhà đến trường?

|  |  |
| --- | --- |
| - Gọi HS đọc đề. | - HS đọc đề bài. |
| - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? | - HS trả lời |
| - Muốn biết thời gian Tú đi xe đạp từ nhà đến trường hết bao nhiêu phút ta làm thế nào? | - Ta lấy 20 : 4 |
| - YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài. | - HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài. Bài giảiThời gian Tú đi xe đạp từ nhà đến trường là: 20 : 4 = 5 (phút) Đáp số: 5 phút |
| - GV nhận xét.- Bài toán thuộc dạng toán nào? | - Giảm một số đi một số lần. |
| *-> GV chốt KT*: Củng cố về giảm một số đi một số lần. |

**3.Vận dụng**

Bài 4: Mẹ An năm nay 35 tuổi, số tuổi của An giảm đi 5 lần so với số tuổi của mẹ. Hỏi An năm nay bao nhiêu tuổi?

|  |  |
| --- | --- |
| - Gọi HS đọc đề. | - HS đọc đề bài. |
| - Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? | - HS trả lời |
| - Muốn biết số tuổi của An ta làm như thế nào? | - Ta lấy 35 : 5 |
| - YCHS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài. | - HS làm bài vào vở. 1 HS lên bảng chữa bài. Bài giảiSố tuổi của An là: 35 : 5 = 5 (tuổi) Đáp số: 5 tuổi |
| *-> GV chốt KT*: Củng cố về giải toán giảm một số đi một số lần. |
| - Tiết học hôm nay củng cố cho em kiến thức gì?- Liên hệ về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế về giảm một số đi một số lần", hôm sau chia sẻ với cô và các bạn.- GV nhận xét tiết học, dặn HS về ôn bài. | - HS nêu- HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

Thứ sáu ngày 25 tháng 10 năm 2024

**Tiết 1: Tiếng việt7**

**Bài viết 2 : KỂ CHUYỆN EM VÀ NGƯỜI THÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Viết được đoạn văn kể về một câu chuyện về việc em giữ lời hứa với cha mẹ( người thân) hoặc câu chuyện về cha mẹ( người thân) khuyên bảo em nhuuwngx điều hay lẽ phải. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Biết sử dụng dấu câu phù hợp.

- Phát triển năng lực văn học: Biết kể lại một sự việc đã từng chứng kiến, tham gia, bày tỏ được cảm xúc của mình khi chứng kiến, tham gia sự việc đó.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: chọn đề bài, viết đoạn văn.

- Năng lực sáng tạo: Biết vận dụng những điều đã học để viết được một đoạn văn kể chuyện.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Viết các chữ cái trong bảng*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

**Dạy theo SGV trang 123 – 125**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Toán 5**

**Bài 21: BẢNG CHIA 7 (T2) – Trang 46,47**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Vận dụng Bảng chia 7 để tính nhẩm. Ghi nhớ bảng chia 7.

- Vận dụng được bảng chia 7 để giải toán có lời văn, biết áp dụng kiến thức vào cuộc sống.

- Thông qua việc nhận biết phép chia từ các tình huống khác nhau thể hiện qua tranh vẽ.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, sử dụng phương tiện, công cụ toán học

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

*HSKT: Ôn Đọc viết các số6,7, 8,9*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**Dạy theo SGV trang 67**

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3: Tiếng việt tăng3**

**Luyện tập: KỂ CHUYỆN EM VÀ NGƯỜI THÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù**

- Viết được đoạn văn kể về chuyện em và người thân. Đoạn văn mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp, đoạn văn khoảng 7 - 8 câu.

- Phát triển năng lực văn học: Viết được đoạn văn có hình ảnh, cảm xúc.

**2. Năng lực chung**

- Lắng nghe, tích cực luyện tập, trình bày đúng.

- Biết nhận xét, trao đổi về cách viết của bạn.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ, tự giác viết bài.

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn vệ sinh và phòng chống thương tích cho thân thể khỏe mạnh.

*HSKT: Viết các chữ cái trong bảng*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**:

- Bảng phụ ghi gợi ý.

- Máy chiếu, tivi.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Khởi động:- GV mở bài hát “Cả nhà thương nhau”.+ Cho HS lắng nghe bài hát. + Cùng trao đổi nội dung bài hát với HS.- Nhận xét, giới thiệu bài.2. Luyện tập:*Đề bài: Viết đoạn văn kể về việc cha mẹ (người thân) khuyên bảo em những điều hay, lẽ phải.*Bước 1: Chuẩn bị viết bài:- GV mời HS đọc yêu cầu bài.+ Bài yêu cầu các em viết về chuyện gì?+ Chia sẻ những nội dung em sẽ chọn để viết trong đoạn văn?- GV nhận xét, khen ngợi HS. Nhắc HS hãy kể lại cụ thể một trong các việc đó theo gợi ý sau:*+ Câu chuyện xảy ra khi nào?**+ Cha mẹ (người thân) đã khuyên bảo em những gì?**+ Em đã nghe lời khuyên bảo của cha mẹ (người thân) thế nào?**+ Việc làm đó mang lại lợi ích gì cho bản thân em?**+ Qua việc làm của em, thái độ của cha mẹ (người thân) thế nào?*- GV chiếu gợi ý, gọi HS đọc- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi, nói miệng cho nhau nghe theo gợi ý- GV mời 2-3 HS nói trước lớp.- GV cùng HS nhận xét, đánh giáBước 2: Viết đoạn văn - GV yêu cầu HS viết vào vở ô li.- GV theo dõi, giúp đỡ các em viết bài.Bước 3: Giới thiệu đoạn văn.- GV tổ chức cho HS đọc và chữa bài cho nhau.- GV mời một số HS đọc kết quả bài làm của mình trước lớp.- GV hướng dẫn HS nhận xét bài của bạn về cách dùng từ, sắp xếp ý, cách trình bày đoạn văn.- GV thu một số bài đánh giá và nhận xét sửa những lỗi chung HS thường mắc phải.- GV khen ngợi những đoạn viết thú vị, trôi chảy, có cảm xúc. 3. Vận dụng- Em biết được điều gì qua bài viết của các bạn?- GV nhận xét, khen ngợi HS. Giáo dục HS biết yêu quý bản thân, yêu quý người thân và những người xung quanh, biết làm nhiều việc tốt và học theo điều hay, lẽ phải.- Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe bài hát.- Cùng trao đổi với GV về nhận xét của mình về nội dung bài hát.- 1- 2 HS đọc yêu cầu bài.+ Viết đoạn văn kể về việc cha mẹ (người thân) khuyên bảo em những điều hay, lẽ phải.- HS nối tiếp chia sẻ trước lớp:+ Bố mẹ khuyên em nên chăm chỉ học hành để đạt kết quả học tập tốt.+ Bố mẹ khuyên em nên sẵn lòng giúp bạn lúc khó khăn.+ Bố mẹ khuyên em làm nhiều việc tốt.+ Bố mẹ khuyên em không nên vì thua kém bạn mà xấu hổ hay nản lòng.- HS lắng nghe.- 1HS đọc to, lớp theo dõi- HS thảo luận theo nhóm đôi. - Một vài HS trình bày trước lớp, - HS lắng nghe, đánh giá. - HS viết bài cá nhân vào vở ôli.- HS đọc và chữa bài cho nhau trong nhóm 4.- Vài HS đọc bài viết của mình trước lớp.- HS khác nhận xét.- HS nộp vở để GV kiểm tra, đánh giá.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.- HS chia sẻ- HS lắng nghe, thực hiện. |

*Đoạn văn tham khảo*

 Một câu chuyện vè việc cha mẹ (người thân) khuyên bảo em những điều hay lẽ phải.

 Em nhớ hôm đó là ngày sơ kết học kì I của năm lớp 2, cô giáo đọc kết quả học tập cho chúng em nghe. Em nghe đến tên mình và bật khóc vì kết quả học tập của em chưa tốt, thua rất nhiều bạn. Em ra về trong sự ngượng ngùng và xấu hổ. Bố mẹ biết chuyện, không những bố mẹ không mắng mà còn động viên em. Bố em nói rằng: “Thua bạn là chuyện bình thường, chỉ cần con luôn cố gắng, luôn tự tin, con sẽ tiến bộ và bố mẹ luôn tự hào về con”. Điều đó làm cho em cảm thấy rất ấm áp và có động lực để cố gắng. Và điều tốt đẹp đã đến với em, cuối năm học đó em được cô giáo tuyên dương vì có tiến bộ vượt trội. Em rất vui và luôn thầm cảm ơn bố mẹ vì bố mẹ luôn dành cho em tình thương vô bờ và dạy em bao điều hay, lẽ phải.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

.....................................................................................................................................

**Tiết 4: Sinh hoạt**

**Sinh hoạt cuối tuần: THAM GIA TRÒ CHƠI YÊU THÍCH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS vui vẻ, gắn kết với các bạn trong lớp thông qua những trò chơi yêu thích.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Kể ra những trò chơi yêu thích.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giới thiệu được những trò chơi yêu thích của bản thân với bạn bè.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Giao lưu, chia sẻ với các bạn có cùng trò chơi yêu thích.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: tôn trọng trò chơi yêu thích của bạn, biết lắng nghe những chia sẻ về trò chơi yêu thích của bạn

- Phẩm chất chăm chỉ: cố gắng phát huy gắn kết tình cảm giữa các bạn trong lớp thông qua những trò chơi yêu thích.

- Phẩm chất trách nhiệm: tôn trọng yêu quý những trò chơi yêu thích của bản thân và của các bạn.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.- Cách tiến hành: |
| - GV mở bài hát “Kéo co” để khởi động bài học. + GV cùng trao đổi với HS về nội dung bài hát.- GV Nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS trả lời về nội dung bài hát.- HS lắng nghe. |
| **2. Sinh hoạt cuối tuần***:***-** Mục tiêu: Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới..**-** Cách tiến hành: |
| **\* Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc nhóm 2)****-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.+ Kết quả sinh hoạt nền nếp.+ Kết quả học tập.+ Kết quả hoạt động các phong trào.- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)**\* Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4)****-** GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.+ Thực hiện nền nếp trong tuần.+ Thi đua học tập tốt.+ Thực hiện các hoạt động các phong trào.- GV mời các nhóm nhận xét, bổ sung.- GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động. | - Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.- HS thảo luận nhóm 2: nhận xét, bổ sung các nội dung trong tuần.- Một số nhóm nhận xét, bổ sung.- Lắng nghe rút kinh nghiệm.- 1 HS nêu lại nội dung.- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.- HS thảo luận nhóm 4: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.- Một số nhóm nhận xét, bổ sung.- Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay. |
| **3. Sinh hoạt chủ đề.****-** Mục tiêu: HS vui vẻ, gắn kết với các bạn trong lớp thông qua những trò chơi yêu thích.**-** Cách tiến hành: |
| **Hoạt động 3.Kể tên các trò chơi yêu thích. (Làm việc cá nhân)**- GV Mời HS đọc yêu cầu bài.- GV yêu cầu học sinh kể tên một trò chơi em yêu thích.- GV mời HS khác nhận xét,bổ sung.- GV nhận xét chung, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài.- HS suy nghĩ và đưa ra các trò chơi yêu thích:+ Ví dụ: - Bịt mắt bắt dê - Rồng rắn lên mây - Nhảy ô - Trốn tìm - Chi chi chành chành -.........- HS khác nhận xét,bổ sung nếu có.- HS lắng nghe. |
| **Hoạt động 4.Tham gia trò chơi yêu thích(Làm việc theo nhóm tùy vào trò chơi)**- GV yêu cầu HS di chuyển ra sân trường.- GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn HS thực hiện:+ Nói tên một trò chơi mình yêu thích.+ Tìm những bạn có chung sở thích về trò chơi đó+ Cùng các bạn tham gia trò chơi.- GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc sau khi chơi- GV nhận xét chung, tuyên dương. | - HS thực hiện.- HS nhận nhiệm vụ và tham gia trò chơi.- HS chia sẻ.- HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng.**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| - GV nêu yêu cầu và hướng dẫn học sinh về nhà chia sẻ với bố mẹ và người thân về sở thích của mình.- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**...................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

 *Bến Tắm*,*ngày 4 tháng 10 năm 2024*

*PHT*